

Số: **111**/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **16** tháng 3 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tháng 3 năm 2021 và kế hoạch tháng 4 năm 2021**

#### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THÁNG 3 NĂM 2021**

Hiện nay, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ quản lý an toàn thực phẩm tại vùng sản xuất. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật báo cáo kết quả công tác quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tháng 3 năm 2021 như sau:

##### **1. Thống kê số liệu vào các bảng gửi đính kèm**

Đính kèm 11 bảng số liệu.

##### **2. Khó khăn, vướng mắc**

Một số thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam, có hướng dẫn sử dụng trên cây rau và được nông dân sử dụng phổ biến trên cây rau nhưng theo Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế về Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm không có quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên rau cụ thể như hoạt chất Flubendiamide (Takumi 20WP, Takumi 20SC), hoạt chất Diafenthiuron (Pesieu 500WP, Pesieu 500SC, Pegasus 500SC) hoặc có quy định trên nhóm rau này nhưng không có quy định trên nhóm rau khác như hoạt chất Emamectin (Tasieu 1.9EC, Tasieu 5WG), hoạt chất là Abamectin (Reasant 3.6EC, Reasant 5WG), do đó có khó khăn trong chỉ định chỉ tiêu phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên cây rau để giám sát tình hình thực tế nông dân có sử dụng thuốc.

#### **II. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CÔNG TÁC THÁNG 4 NĂM 2021**

- Tổ chức thực hiện công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm trên rau củ quả trong năm 2021 với số lượng 410 mẫu.

- Tiếp tục thanh tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống cây trồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Phối hợp với các ngành chức năng liên quan trên địa bàn Thành phố thực hiện thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, gia công, sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và giống cây trồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, ban ngành quận, huyện và xã, phường thực hiện công tác kiểm tra đột xuất việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm tại vùng sản xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và lấy mẫu rau quả kiểm tra các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm theo quy định khi có yêu cầu.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, ban ngành quận, huyện và xã, phường thực hiện công tác kiểm tra hướng dẫn sử dụng thuốc tại các vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn Thành phố.

***Trên đây là báo cáo kết quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tháng 3 năm 2021 và kế hoạch tháng 4 năm 2021.*** / *Đỗ Văn Tâm*

***Nơi nhận:***

- Sở NN và PTNT (Phòng KHCVN);
- Ban Lãnh đạo Chi cục;
- PTT, PTTPC;
- Lưu: VT, PTT.TNT(5b).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Thái Thành Tâm**



**Phụ lục**  
**BẢNG SỐ LIỆU TRONG BÁO CÁO THÁNG 3 NĂM 2021**  
**VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN**

(Đính kèm Báo cáo số 244/BC-CCTTBVTV ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thành phố Hồ Chí Minh)

**Bảng số 01**

mẫu Bảng số 01

**Danh mục văn bản chỉ đạo điều hành quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm được ban hành trong kỳ báo cáo**

| TT | Tên văn bản   | Số hiệu văn bản                                    | Ngày ban hành             |
|----|---|--|---------------------------|
| 1  | Quyết định về kiểm tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại vùng sản xuất.   | Số: 28/QĐ-CCTTBVTV                                 | Ngày 25 tháng 01 năm 2021 |
| 2  | Kế hoạch triển khai thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành giống cây trồng nông nghiệp, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật năm 2021.  | Số 159/KH-CCTTBVTV                                 | Ngày 26 tháng 02 năm 2021 |
| 3  | Quyết định về kiểm tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tại các vùng sản xuất rau an toàn tháng 3 năm 2021 (huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, Quận 12, TP. Thủ Đức, huyện Củ Chi) | Gồm Quyết định số: 55, 56, 57, 58, 59/ QĐ-CCTTBVTV | Ngày 26 tháng 02 năm 2021 |

**Bảng số 02**

mẫu Bảng số 02

**Kết quả phổ biến giáo dục pháp luật; thông tin truyền thông về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm trong tháng 3 năm 2021**

| TT | Tên hoạt động/ sản phẩm truyền thông                                  | Số lượng/ buổi    | Số người tham dự/ đối tượng (người tiêu dùng/sản xuất/ người dân/ cán bộ)/ phạm vi bao phủ |
|----|---|-------------------|--|
| I  | Phổ biến giáo dục pháp luật   |                   |  |
| II | Thông tin, truyền thông   |                   |  |
|    | Thông tin tình hình sinh vật hại trên cây rau và biện pháp phòng trừ. | Định kỳ hàng tuần | Phát trong chương trình phát thanh nông thôn của Đài Tiếng nói nhân dân TP.                |

**Bảng số 03**  
**Kết quả sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP**

mẫu Bảng số 03

| Diện tích rau, quả (ha)/sản lượng (tấn) | Diện tích khai thác (ha)/sản lượng (tấn) | Tổng số cơ sở được chứng nhận/sản lượng (tấn) |
|---|--|---|
| 1. 03 tháng năm 2021                    |  |   |
| 0                                       | 0  | 0   |
| 2. Lũy kế đến nay                       |  |   |
| 15.270 ha/262.000 tấn/năm               | 15.270 ha/262.000 tấn/năm                | 1.640   |

**Bảng số 04**

mẫu Bảng số 04

**Danh sách chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn tháng 3 năm 2021**

| TT | Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất ban đầu | Tên, địa chỉ cơ sở xử lý sau thu hoạch | Tên, địa chỉ nơi bán sản phẩm | Loại sản phẩm | Đã được cấp giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn |
|----|-------------------------------------|--|-------------------------------|---------------|--|
| 0  |                                     |  | 0                             | 0             | 0  |

**Bảng số 05**

mẫu Bảng số 05

**Kết quả kiểm tra mẫu rau tại vùng sản xuất phục vụ công tác kiểm tra an toàn thực phẩm sản phẩm nguồn gốc thực vật tại vùng sản xuất trong tháng 3 năm 2021**

| TT                 | Loại mẫu | Tên chỉ tiêu phân tích                                     | Số mẫu phân tích | Số mẫu không đạt | Kết quả xử lý |
|--------------------|----------|--|------------------|------------------|---------------|
| * Tháng 03         |          |  |                  |                  |               |
|                    | Rau      | Theo Thông tư số 50/2016/TT-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2016 | 17               | 0                | không         |
| * 03 tháng đầu năm |          |  |                  |                  |               |
|                    | Rau      | Theo Thông tư số 50/2016/TT-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2016 | 36               | 0                | không         |

**Bảng số 06**

mẫu Bảng số 08

**Kết quả giám sát chất lượng vật tư nông nghiệp trong tháng 3 năm 2021**

| TT | Loại sản phẩm | Tổng số mẫu lấy | Số mẫu không đạt | Kết quả xử lý khi phát hiện mẫu không đạt |
|----|---------------|-----------------|------------------|---|
| 0  |               | 0               | 0                | 0   |

**Bảng số 07**

mẫu Bảng số 09

**Cập nhật thông tin về cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn quản lý, lũy kế đến tháng 3 năm 2021****Trừ các cơ sở phải ký cam kết theo thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT**

| ST T | Mã số | Tên cơ sở sản xuất kinh doanh              | Địa chỉ, điện thoại | Loại hình cơ sở sản xuất kinh doanh | Tên sản phẩm cụ thể    | Cấp thông kê, thẩm định phân loại | Kết quả thẩm định, xếp loại gần nhất đến thời điểm báo cáo |                         |                        | Đã được cấp giấy chứng nhận ATTP đến thời điểm báo cáo | Tên giấy chứng nhận ISO/HACCP/VietGAP... đã được cấp còn hiệu lực | Kết quả thanh, kiểm tra xử phạt hành chính |                     |                          |                                   |                 |                |                  |
|------|-------|--|---------------------|-------------------------------------|------------------------|-----------------------------------|--|-------------------------|------------------------|--|---|--|---------------------|--------------------------|-----------------------------------|-----------------|----------------|------------------|
|      |       |  |                     |                                     |                        |                                   | Kết quả  | Ngày thẩm định xếp loại | Xử lý vi phạm (nếu có) |  |   | Phương thức thanh kiểm tra                 | Ngày thanh kiểm tra | Hành vi vi phạm (nếu có) | Số tiền phạt vi phạm (triệu đồng) | Tổng số mẫu lấy | Số mẫu vi phạm | Chi tiêu vi phạm |
| (1)  | (2)   | (3)  | (4)                 | (5)                                 | (6)                    | (7)                               | (8)  | (9)                     | (10)                   | (11)   | (12)  | (13)                                       | (14)                | (15)                     | (16)                              | (17)            | (18)           | (19)             |
| 1    |       | Công ty TNHH TM Xây dựng Lê Hoàn Vũ        | huyện Củ Chi        | A.1.1                               | Dưa lưới               | tỉnh                              | A1   | 04/01/2021              | -                      | x  | không   | -  | -                   | -                        | -                                 | -               | -              | -                |
| 2    |       | Công ty TNHH Đồng Trùng Hà Thảo Thiên Phúc | Quận Bình Tân       | A.1.1                               | Nấm Đông trùng hạ thảo | tỉnh                              | A1   | 03/02/2021              | -                      | x  | không   | -  | -                   | -                        | -                                 | -               | -              | -                |
| 3    |       | Công ty TNHH MTV Năm Trang Sinh            | huyện Củ Chi        | A.1.1                               | Nấm                    | tỉnh                              | A1   | 12/03/2021              | -                      | x  | VietGAP   | -  | -                   | -                        | -                                 | -               | -              | -                |

**Bảng số 08**

mẫu Bảng số 10

**Kết quả triển khai Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 trong tháng 3 năm 2021**

| Tổng số cơ sở thuộc đối tượng triển khai Thông tư số 17 (tính đến thời điểm báo cáo) | Số cơ sở ký cam kết trong tháng/ lũy kế đến thời điểm báo cáo | Số cơ sở được kiểm tra trong tháng/ lũy kế đến thời điểm báo cáo | Số cơ sở chưa đạt yêu cầu trong tháng/ lũy kế đến thời điểm báo cáo | Lý do chưa đạt yêu cầu |
|--|---|--|---|------------------------|
| 5.228  | 0/973   | 0  | 0   | 0                      |

**Bảng số 09****Kết quả thanh, kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trong tháng 3 năm 2021**

mẫu Bảng số 11

| Loại hình cơ sở | Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch |                  |   |                                |                   | Thanh tra, kiểm tra đột xuất |                  |                               |                                |                   |
|-----------------|-----------------------------------|------------------|---|--------------------------------|-------------------|------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------|
|                 | Tổng số cơ sở                     | Số cơ sở vi phạm | Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền/ phạt bổ sung | Tổng số tiền phạt (triệu đồng) | Hình phạt bổ sung | Tổng số cơ sở                | Số cơ sở vi phạm | Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền | Tổng số tiền phạt (triệu đồng) | Hình phạt bổ sung |

|                                   |          |  |  |  |          |  |  |  |  |
|-----------------------------------|----------|--|--|--|----------|--|--|--|--|
| Thuốc BVTV                        | 0        |  |  |  | 0        |  |  |  |  |
| Phân bón                          | 0        |  |  |  | 0        |  |  |  |  |
| Giống                             | 0        |  |  |  | 0        |  |  |  |  |
| Kết hợp 2 hoặc 3 loại vật tư trên | 0        |  |  |  | 0        |  |  |  |  |
| <b>Tổng cộng</b>                  | <b>0</b> |  |  |  | <b>0</b> |  |  |  |  |

Bảng số 10

mẫu Bảng số 17

**Kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ địa phương  
trong tháng 3 năm 2021**

| TT | Nội dung   | Số lớp | Lượt người tham dự | Ghi chú |
|----|--|--------|--------------------|---------|
| 1  | Nghiệp vụ thẩm định, chứng nhận điều kiện đảm bảo ATTP nông lâm thủy sản | 0      | 0                  |         |
| 2  | Nghiệp vụ lấy mẫu, phân tích sản phẩm nông lâm thủy sản                  | 0      | 0                  |         |
| 3  | Nghiệp vụ giám sát, thanh tra, kiểm tra                                  | 0      | 0                  |         |
| 4  | Nghiệp vụ kiểm nghiệm, xét nghiệm  | 0      | 0                  |         |

Bảng số 11

**Số lượng nhân sự địa phương 3 tháng năm 2021**

mẫu Bảng số 18

| TT | Lĩnh vực   | Số lượng nhân sự hiện tại |           |      | Kế hoạch nhân sự tiếp theo |           |      |
|----|--|---------------------------|-----------|------|----------------------------|-----------|------|
|    |  | Tổng cộng                 | Chia ra   |      | Tổng cộng                  | Chia ra   |      |
|    |  |                           | Công chức | LĐHĐ |                            | Công chức | LĐHĐ |
| 1  | Lãnh đạo đơn vị  | 02                        | 02        |      | 03                         | 03        |      |
| 2  | Cán bộ làm công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản | 07                        | 07        |      | 07                         | 07        |      |
| 3  | Cán bộ làm công tác kiểm nghiệm, xét nghiệm              | 0                         | 0         |      | 0                          | 0         |      |
| 4  | Cán bộ làm công tác thanh tra                            | 10                        | 10        |      | 10                         | 10        |      |
| 5  | Cán bộ làm công tác tổng hợp, văn phòng, tài chính       | 02                        | 02        |      | 02                         | 02        |      |
| 6  | Khác (nêu rõ vị trí nếu có)                              |                           |           |      |                            |           |      |
|    | <b>Tổng cộng</b>   | <b>21</b>                 | <b>21</b> |      | <b>22</b>                  | <b>22</b> |      |